

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 156/2017/HSST

Ngày: 22/11/2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Xuân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Tô Thị Lành** – Cán bộ hưu trí phường Ia Kring, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai

2. Bà **Lê Thị Thanh Cường** - Cán bộ hưu trí phường Tây Sơn, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Đình Nguyên** - Thư ký Tòa án, Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Phan Văn Hóa** - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 136/2017/HSST ngày 05 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. PHAN T; Sinh năm 1987 tại B.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: tổ 8, phường D, TP. K, tỉnh K.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: thợ sơn.

Cha: Phan T. S, sinh năm 1955.

Mẹ: Nguyễn T. N, sinh năm: 1960.

Cha mẹ bị cáo hiện trú tại tổ 8, phường D, TP.K, tỉnh K.

Bị cáo có 03 người em ruột, lớn nhất sinh năm 1985 và nhỏ nhất sinh năm 1995. Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình, bản thân bị cáo chưa có vợ.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 02 lần: - Ngày 20/11/2008, bị Tòa án nhân dân TP. K, tỉnh K xử phạt 09 tháng tù, về tội: “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”; tại Bản án số 77/HSST; chấp hành

án tại Trại giam Gia Trung, tổng cục VIII, Bộ Công an; ngày 28/5/2009, chấp hành xong hình phạt về địa phương (bản án chưa được xóa án tích).

- Ngày 22/9/2010, bị Tòa án nhân dân TP. K, tỉnh K xử phạt 08 năm tù, về tội: “*Cướp tài sản*”; tại Bản án số 65/HSST; chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, tổng cục VIII, Bộ Công an; ngày 21/9/2016, chấp hành xong hình phạt về địa phương.

Nhân thân: Ngày 14/02/2006, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K, tỉnh K Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục tại tỉnh Phú Yên, thời hạn 24 tháng; ngày 30/12/2007, chấp hành xong thời gian giáo dục về địa phương.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 27/6/2017 đến ngày 07/7/2017, bị khởi tố về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an TP.Pleiku, có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN H. Đ. Q Sinh năm 1989 tại K.

Nơi ĐKKTT: Tổ 07, Phường D, TP.K, tỉnh K.

Chỗ ở: Tổ 02, Phường N, TP.K, tỉnh K.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Dịch vụ mai táng.

Cha: Nguyễn T. T. Sinh năm 1958.

Mẹ: Huỳnh. T. Y. L. Sinh năm 1960.

Cha và mẹ của bị can hiện trú tại Tổ 02, phường T, TP.K, tỉnh K.

Bị can có 02 người chị em ruột, sinh năm 1987 và năm 1993. Bị can là con thứ hai trong gia đình.

Vợ: Hồ T. K. V. Sinh năm 1992.

Bị can có 02 người con, sinh năm 2009 và năm 2011.

Vợ và các con của bị can hiện trú tại Tổ 02, phường N, TP. K, tỉnh K.

Tiền án: 01 lần; Ngày 28/9/2016, bị Tòa án nhân dân TP. K, tỉnh K xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; tại Bản án số 72/HSST (bản án chưa được xóa án tích).

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 27/6/2017 đến ngày 07/7/2017, bị khởi tố về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an TP.Pleiku, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan T. T và Nguyễn . H. Đ. Q là những người có sử dụng ma túy. Khoảng 19 giờ ngày 27/6/2017, Nguyễn H. Đ. Q nhận được điện thoại của đối tượng tên Hoàng (Chưa xác định được họ tên, địa chỉ) là bạn của Q ở TP.P, tỉnh G gọi điện thoại cho

Q đề hỏi mua ma túy, Q đồng ý và nói để nhờ bạn của Q ở K đi mua giúp. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Q gặp Phan T. T và rủ T đi mua ma túy về bán lại cho H, T đồng ý. Sau đó, Q và T đi đến hẻm đường T, TP.K, tỉnh K thì Q đứng ngoài chờ, còn T đi vào hẻm đường T mua 01 gói ma túy đá của đối tượng tên U (Chưa xác định được họ tên, địa chỉ) với giá 7.000.000 đồng. Sau đó, cả hai thuê xe taxi đi đến Khách sạn Nguyễn A ở Tổ 07, phường H, TP. P, tỉnh G thuê phòng số 402 để ở và chờ bán ma túy cho H với giá 8.000.000 đồng mà Q đã hẹn trước đó. Khi đến Khách sạn Nguyễn A, T đưa gói ma túy đã mua trước đó cho Q cất giữ. Đến 23 giờ cùng ngày, khi T và Q đang ở trong phòng số 402 Khách sạn Nguyễn A thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Pleiku phát hiện, bắt quả tang và thu giữ trong túi quần phía trước bên phải của Q 01 gói nilon bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. Gói nilon này được niêm phong theo quy định. Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra còn thu giữ của Phan T. T 01 điện thoại di động hiệu K-Phone kèm theo sim số và 8.800.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; thu giữ của Nguyễn H. Đ. Q 01 điện thoại di động hiệu Iphone kèm theo sim số.

Qua trưng cầu giám định, tại bản Kết luận giám định số 232 ngày 05/7/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *“Chất màu trắng dạng tinh thể trong gói nilon, trong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 9,9247 gam, loại Methamphetamine”*.

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về bản kết luận giám định số 232/KLGD ngày 05/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Gia Lai nói trên.

Đối với chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định, Cơ quan giám định đã hoàn trả cho Cơ quan CSĐT công an TP.Pleiku trong 01 bì công văn niêm phong ghi số 232/PC54 ngày 05/7/2017. Cơ quan CSĐT công an TP.Pleiku chuyển theo vụ án để xử lý.

Đối với các tài sản thu giữ của Phan T. T và Nguyễn H. Đ. Q, qua điều tra xác định: Quang đã sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone kèm sim số để liên lạc bán chất ma túy loại Methamphetamine cho đối tượng H; T sử dụng thoại di động hiệu K-Phone kèm theo sim số để liên lạc mua 9,9247 gam, loại Methamphetamine của đối tượng U;

Đối với số tiền 8.800.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là tài sản của Phan T, không liên quan đến hành vi mua bán chất ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Pleiku chuyển các tài sản trên cùng theo vụ án để xử lý.

Đối với đối tượng tên H ở tại TP.P, tỉnh G là người mà bị cáo Nguyễn H. Đ. Q khai nhờ Quang mua giúp chất ma túy loại Methamphetamine cho H và đối tượng tên U là người mà bị cáo Phan T. T khai đã bán chất ma túy loại Methamphetamine cho T, quá trình điều tra do các bị cáo Q và T không biết rõ về nhân thân và lai lịch của các đối tượng trên nên Cơ quan CSĐT công an TP.Pleiku đang tiếp tục xác minh, khi nào xác định được các đối tượng trên sẽ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 141/Ctr- VKS ngày 03/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân TP.Pleiku đã truy tố đối với các bị cáo Phan T. T và Nguyễn H. Đ. Q về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi của bị cáo Phan T. T và Nguyễn. H. Đ. Q và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phan T. T và Nguyễn H. Đ. Q phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phan T. T mức án tù 07 năm 6 tháng tù đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS, Điều 33, Điều 53, khoản 5 Điều 60, Điều 51 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn H. Đ. Q mức án tù 36 đến 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2017. Tổng hợp với bản án 09 tháng tù cho hưởng án treo buộc bị cáo Q phải chấp hành một hình phạt chung từ 45 đến 51 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Căn cứ khoản 2 Điều 76 BLTTHS;

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 232/PC54 ngày 05/7/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Gia Lai.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01điện thoại di động hiệu Iphone kèm sim số và 01 Điện thoại di động hiệu K-Phone kèm theo sim số.

Đối với số tiền 8.800.000đồng tiền Ngân hàng nhà nước việt nam là của bị cáo T không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tuyên trả lại cho bị cáo PhanT. T.

Buộc bị cáo Phan T. T và Nguyễn H. Đ. Q phải chịu án phí hình sự.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo Phan T. T nói lời nói sau cùng: Xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn H. Đ. Qnói lời nói sau cùng: Bị cáo biết việc làm của mình là sai trái, mong Tòa xem xét giảm nhẹ cho bị cáo sớm được quay về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

rên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Lời khai nhận tội của bị cáo Phan T. T và Nguyễn . H. Đ. Q tại phiên tòa ngày hôm nay hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ, các tài liệu đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định: Phan T. T và Nguyễn H. Đ. Q là những người có sử dụng ma túy. Khoảng 19 giờ ngày 27/6/2017, Nguyễn H. Đ. Q nhận được điện thoại của đối tượng tên H (Chưa xác định được họ tên, địa chỉ) là bạn của Q ở TP.P, tỉnh G gọi điện thoại cho Q để hỏi mua ma túy, Q đồng ý và nói để nhờ bạn của Q ở K đi mua giúp. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Q gặp Phan T. T và rủ T đi mua ma túy về bán lại cho H, T đồng ý. Sau đó, Q và T đi đến hẻm đường T, TP. K, tỉnh K thì Q đứng ngoài chờ, còn T đi vào hẻm đường T mua 01 gói ma túy đá của đối tượng tên U (Chưa xác định được họ tên, địa chỉ) với giá 7.000.000 đồng. Sau đó, cả hai thuê xe taxi đi đến Khách sạn Nguyên A ở Tổ 07, phường H, TP.P, tỉnh G thuê phòng số 402 để ở và chờ bán ma túy cho H với giá 8.000.000 đồng mà Q đã hẹn trước đó. Khi đến Khách sạn Nguyên A, T đưa gói ma túy đã mua trước đó cho Q cất giữ. Đến 23 giờ cùng ngày, khi T và Q đang ở trong phòng số 402 Khách sạn Nguyên A thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Pleiku phát hiện, bắt quả tang và thu giữ trong túi quần phía trước bên phải của Quang 01 gói nilon bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. Gói nilon này được niêm phong theo quy định. Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra còn thu giữ của Phan Thanh Tín 01 điện thoại di động hiệu K-Phone kèm theo sim số và 8.800.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; thu giữ của Nguyễn Huỳnh Đăng Quang 01 điện thoại di động hiệu Iphone kèm theo sim số.

[3] Bản thân các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của các bị cáo là trái pháp luật, bị xã hội lên án gay gắt và pháp luật cũng trừng trị nghiêm khắc đối với loại tội phạm này, nhưng chỉ vì sống buông thả không có ý thức phấn đấu rèn luyện bản thân nên các bị cáo đã bất chấp tất cả mua ma túy về bán để thu lợi. Tổng trọng lượng chất ma túy mà các bị cáo mua để bán lại là 9,9247gam ma túy loại Methamphetamin. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi của các bị cáo Phan T. T và Nguyễn H. Đ. Q đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bản thân bị cáo Phan T. T đã tái phạm, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên đã phạm vào tình tiết định khung nặng: “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại Điểm p Khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn H. Đ. Q đã phạm vào Khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Trong vụ án này bị cáo Nguyễn H. Đ. Q là người khởi xướng việc phạm tội, Phan T. T tham gia giúp sức với vai trò tích cực, đã tự bỏ ra số tiền 7.000.000đồng để mua ma túy; cả hai bị cáo bán ma túy nhằm mục đích thu lợi bất chính và sử dụng chung số tiền thu được. Vì vậy, vai trò của các bị cáo trong vụ án là như nhau.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo có nhân thân xấu đều đã có tiền án, bị cáo Phan T. T phạm tội trong trường hợp này đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng là tái phạm nguy hiểm. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng một hình phạt tù nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn H. Đ. Q phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

[8] Bị cáo Nguyễn H. Đ. Q bị Tòa án nhân dân TP.K, tỉnh K xử phạt 09 tháng tù về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày 28/9/2016; tính đến ngày bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (ngày 27/6/2017) thì chưa hết thời gian thử thách. Vì vậy buộc bị cáo phải chấp hành một hình phạt chung cho cả hai tội.

[8] Về xử lý vật chứng:

Tuyệt tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01điện thoại di động hiệu Iphone kèm sim số và 01 Điện thoại di động hiệu K-Phone kèm theo sim số.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 232/PC54 ngày 05/7/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Gia Lai có tổng trọng lượng là 9,9247gam Methamphetamin.

Trả lại cho bị cáo Phan T. T số tiền 8.800.000đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt nam.

[9] Đối với đối tượng tên H ở tại TP.Pleiku, Gia Lai là người mà bị cáo Nguyễn. H. Đ. Q khai nhờ Q mua giúp chất ma túy loại Methamphetamin cho H và đối tượng tên U là người mà bị cáo Phan T. T khai đã bán chất ma túy loại Methamphetamin cho T, quá trình điều tra do các bị cáo Q và T không biết rõ về nhân thân và lai lịch của các đối tượng trên nên Cơ quan CSĐT công an TP.Pleiku đang tiếp tục xác minh, khi nào xác định được các đối tượng trên sẽ xử lý sau.

[10] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phan T. T, Nguyễn. H. Đ. Q phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự với bị cáo Phan T. T;

Xử phạt bị cáo Phan T. T 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự; khoản 5 Điều 60 BLHS đối với bị cáo Nguyễn H. Đ. Q;

Xử phạt bị cáo Nguyễn H. Đ. Q 42 (bốn mươi hai) tháng tù.

Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo phải chấp hành một hình phạt chung cho cả bản án hai tội là: 51 (năm mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2017

Căn cứ Điều 76BLTTHS:

Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone kèm sim số và 01 Điện thoại di động hiệu K-Phone kèm theo sim số.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 232/PC54 ngày 05/7/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Gia Lai có tổng trọng lượng là 9,9247gram Methamphetamin.

Tuyên trả lại cho bị cáo Phan T. T số tiền 8.800.000đ tiền Ngân hàng nhà nước việt nam.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/10/2017 giữa cơ quan CSĐT công an TP.Pleiku và Chi cục thi hành án dân sự TP.Pleiku.

Căn cứ Điều 99 BLTTHS, áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Phan T. T và Nguyễn. H. Đ. Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Pleiku;
- Tòa án tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THA dân sự TP. Pleiku;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa